

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH23B3** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02209** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Sinh lý dinh dưỡng**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2358102064596	Đoàn Ngọc Trâm	Anh	28/12/2008				8	8.0	5.5			4.0		5.2
2	2358102064597	Abdul Roset	Ayob	21/04/2008				6	8.0	5.5			8.5		7.7
3	2358102064598	Nguyễn Lê Bảo	Duy	16/02/2006				8	7.5	6.5			5.3		6.1
4	2358102064599	Nguyễn Ngô Kỳ	Duyên	18/11/2008				5.5	5.5	5.0			5.3		5.3
5	2358102064600	Trịnh Trường	Giang	30/03/2008				5.5	5.5	5.5			5.3		5.4
6	2358102064601	Nguyễn Huỳnh Anh	Huy	16/11/2008				5.5	6.5	6.0			5.8		5.9
7	2358102064602	Huỳnh Dương	Khang	08/12/2008				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
8	2358102064603	Huỳnh Phước	Lợi	20/04/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
9	2358102064604	Thái Hoàng	My	15/04/2008				9	9.0	5.5			9.0		8.4
10	2358102064605	Huỳnh Hoàng	Mỹ	14/09/2008				8	9.0	5.5			0.0		3.0
11	2358102064606	Nguyễn Khánh	Nam	01/02/2008				5.5	7.0	5.5			7.8		7.1
12	2358102064607	Đào Anh	Nghĩa	27/09/2008				1	0.0	0.0			0.0	0.0	0.1
13	2358102064608	Hà Kim	Ngọc	13/09/2008				8	6.5	3.5			5.8		5.7
14	2358102064609	Đặng Huỳnh Thế	Nhân	24/06/2008				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
15	2358102064610	Lê Thị Châu	Phi	03/09/2008				9	6.5	6.5			6.0		6.4
16	2358102064611	Trần Lê Phương	Thảo	08/08/2008				8.5	5.0	6.5			7.8		7.2
17	2358102064612	Lê Nguyễn Văn	Tiến	20/07/2008				5	6.5	5.0			5.8		5.7
18	2358102064613	Nguyễn Thị Thùy	Trang	16/12/2008				6	5.0	6.0			8.0		7.0
19	2358102064614	Nguyễn Bích	Trâm	18/01/2007				8.5	6.5	5.0			4.3		5.1
20	2358102064615	Thái Trúc	Vy	07/08/2008				8.5	6.5	5.0			6.3		6.3
21	2358102064616	Trần Dương Ái	Vy	10/12/2008				8.5	6.5	5.0			3.0		4.3

Châu Đốc, ngày 29 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo **Giáo viên giảng dạy**

Ths. Trần Thanh Dũng **Mai Nhựt Thanh**